

MÀM NON NÀ BÚNG

DANH SÁCH BÁO CÁO THIẾT BỊ DẠY HỌC
NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng và tỉ lệ theo tiêu chuẩn định mức của Bộ							Số lượng và tỉ lệ theo tiêu chuẩn định mức của Tỉnh (Không được nhỏ hơn định mức tối thiểu của Bộ GD					Ghi chú
			Số lượng /Đơn vị đếm	Số lượng cần tối thiểu	Số lượng hiện có	Nhu cầu bổ sung trong năm học tiếp theo	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	Số lượng /Đơn vị đếm	Số lượng cần tối thiểu	Số lượng thừa	Số lượng thiếu	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	
I	DÙNG CHO LỚP MẪU GIÁO 3-4 TUỔI				2878	3064	0	2832	4424.55			2878.0	0.0		
	A. Đồ dùng				905	76	0	75	1314			905.0	0.0		
1	Giá phơi khăn	Cái	1.0/Lớp	10	2	8	0	8	20		0	2	0		
2	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1.0/Lớp	10	9	1	0	1	90		0	9	0		
3	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2.0/Lớp	20	10	10	0	10	50		0	10	0		

4	Tủ đựng chăn, màn, chiều	Cái	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100	0	10	0		
5	Phản	Cái	13.0/Lớp	130	130	0	0	0	100	0	130	0		
6	Cốc uống nước	Cái	25.0/Lớp	250	250	0	0	0	100	0	250	0		
7	Bình ủ nước	Cái	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100	0	10	0		
8	Giá để giày dép	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100	0	20	0		
9	Xô	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100	0	20	0		
10	Chậu	Cái	2.0/Lớp	20	2	18	0	18	10	0	2	0		
11	Bàn giáo viên	Cái	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100	0	10	0		
12	Ghế giáo viên	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100	0	20	0		
13	Bàn cho trẻ	Cái	13.0/Lớp	130	130	0	0	0	100	0	130	0		
14	Ghế cho trẻ	Cái	25.0/Lớp	250	250	0	0	0	100	0	250	0		
15	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100	0	10	0		
16	Đàn organ	Cái	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0	0	0	0		
17	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5.0/Lớp	50	22	29	0	28	44	0	22	0		

	B. Thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu				1973	2938	0	2707	3110.55			1973.0	0.0		
18	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	5.0/Lớp	50	0	50	0	50	0		0	0	0		
19	Mô hình hàm răng	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
20	Vòng thể dục to	Cái	2.0/Lớp	20	12	8	0	8	60		0	12	0		
21	Gậy thể dục to	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
22	Cột ném bóng	Cái	2.0/Lớp	20	12	8	0	8	60		0	12	0		
23	Vòng thể dục nhỏ	Cái	25.0/Lớp	250	38	122	0	212	15.2		0	38	0		
24	Gậy thể dục nhỏ	Cái	25.0/Lớp	250	250	0	0	0	100		0	250	0		
25	Xác xô	Cái	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
26	Trống da	Cái	1.0/Lớp	10	9	1	0	1	90		0	9	0		
27	Cồng chui	Cái	3.0/Lớp	30	29	1	0	1	96.67		0	29	0		
28	Bóng nhỏ	Quả	25.0/Lớp	250	25	126	0	225	10		0	25	0		
29	Bóng to	Quả	5.0/Lớp	50	50	0	0	0	100		0	50	0		
30	Nguyên liệu để đan tết	Kg	1.0/Lớp	10	7	3	0	3	70		0	7	0		

31	Kéo thủ công	Cái	25.0/Lớp	250	250	0	0	0	100		0	250	0		
32	Kéo văn phòng	Cái	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100		0	10	0		
33	Bút chì đen	Cái	25.0/Lớp	250	250	0	0	0	100		0	250	0		
34	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	25.0/Lớp	250	250	250	0	0	100		0	250	0		
35	Đất nặn	Hộp	25.0/Lớp	250	0	250	0	250	0		0	0	0		
36	Giấy màu	Túi	25.0/Lớp	250	250	250	0	0	100		0	250	0		
37	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	2.0/Lớp	20	14	6	0	6	70		0	14	0		
38	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	2.0/Lớp	20	19	1	0	1	95		0	19	0		
39	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
40	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
41	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3.0/Lớp	30	12	18	0	18	40		0	12	0		
42	Ghép nút lớn	Túi	2.0/Lớp	20	4	16	0	16	20		0	4	0		
43	Tháp dinh dưỡng	Tờ	1.0/Lớp	10	10	0	0	0	100		0	10	0		
44	Búp bê bé trai	Con	2.0/Lớp	20	19	1	0	1	95		0	19	0		

45	Búp bê bé gái	Con	2.0/Lớp	20	8	12	0	12	40		0	8	0		
46	Bộ đồ chơi nấu ăn	Bộ	3.0/Lớp	30	12	18	0	18	40		0	12	0		
47	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	2.0/Lớp	20	7	13	0	13	35		0	7	0		
48	Bộ xếp hình trên xe	Bộ	6.0/Lớp	60	3	57	0	57	5		0	3	0		
49	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3.0/Lớp	30	20	10	0	10	66.67		0	20	0		
50	Gạch xây dựng	Thùng	2.0/Lớp	20	9	11	0	11	45		0	9	0		
51	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
52	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2.0/Lớp	20	3	17	0	17	15		0	3	0		
53	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2.0/Lớp	20	20	0	0	0	100		0	20	0		
54	Bộ động vật biển	Bộ	2.0/Lớp	20	1	19	0	19	5		0	1	0		
55	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2.0/Lớp	20	5	15	0	15	25		0	5	0		

56	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2.0/Lớp	20	0	20	0	20	0	0	0	0		
57	Bộ côn trùng	Bộ	2.0/Lớp	20	0	20	0	20	0	0	0	0		
58	Nam châm thẳng	Cái	3.0/Lớp	30	0	30	0	30	0	0	0	0		
59	Kính lúp	Cái	3.0/Lớp	30	16	14	0	14	53.33	0	16	0		
60	Phễu nhựa	Cái	3.0/Lớp	30	11	29	0	19	36.67	0	11	0		
61	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1.0/Lớp	10	2	8	0	8	20	0	2	0		
62	Bộ làm quen với toán	Bộ	15.0/Lớp	150	25	125	0	125	16.67	0	25	0		
63	Con rối	Bộ	1.0/Lớp	10	2	8	0	8	20	0	2	0		
64	Bộ hình học phẳng	Túi	25.0/Lớp	250	0	250	0	250	0	0	0	0		
65	Tranh các con vật	Bộ	2.0/Lớp	20	3	17	0	17	15	0	3	0		
66	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	2.0/Lớp	20	7	13	0	13	35	0	7	0		
67	Đồng hồ học đếm 2 mặt	Cái	2.0/Lớp	20	6	14	0	14	30	0	6	0		
68	Bàn tính học đếm	Cái	3.0/Lớp	30	2	28	0	28	6.67	0	2	0		

69	Bộ tranh truyện mẫu giáo 3-4 tuổi	Bộ	1.0/Lớp	10	6	4	0	4	60	0	6	0		
70	Bộ tranh minh họa thơ lớp 3-4 tuổi	Bộ	1.0/Lớp	10	5	5	0	5	50	0	5	0		
71	Bảng con	Cái	25.0/Lớp	250	80	70	0	170	32	0	80	0		
72	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1.0/Lớp	10	3	7	0	7	30	0	3	0		
73	Màu nước	Hộp	25.0/Lớp	250	0	250	0	250	0	0	0	0		
74	Bút lông cỡ to	Cái	12.0/Lớp	120	0	120	0	120	0	0	0	0		
75	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12.0/Lớp	120	0	120	0	120	0	0	0	0		
76	Dập ghim	Cái	1.0/Lớp	10	4	6	0	6	40	0	4	0		
77	Bìa các màu	Tờ	50.0/Lớp	500	50	450	0	450	10	0	50	0		
78	Dập lỗ	Cái	1.0/Lớp	10	3	7	0	7	30	0	3	0		
79	Súng bắn keo	Cái	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0	0	0	0		
80	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Bộ	3.0/Lớp	30	11	29	0	19	36.67	0	11	0		
81	Lịch của trẻ	Bộ	1.0/Lớp	10	9	1	0	1	90	0	9	0		

	C. Sách - Tài liệu - Băng đĩa				0	50	0	50	0			0.0	0.0		
82	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0		0	0	0		
83	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0		0	0	0		
84	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0		0	0	0		
85	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0		0	0	0		
86	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1.0/Lớp	10	0	10	0	10	0		0	0	0		
II	DỪNG CHO LỚP MẪU GIÁO 4-5 TUỔI				3585	3709	0	3711	4335.02			3585.0	0.0		
	A. Đồ dùng				1302	30	0	30	1488.34			1302.0	0.0		
1	Giá phơi khăn	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
2	Cốc uống nước	Cái	30.0/Lớp	360	360	0	0	0	100		0	360	0		

3	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100	0	12	0		
4	Bình ủ nước	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100	0	12	0		
5	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2.0/Lớp	24	23	1	0	1	95.83	0	23	0		
6	Tủ đựng chăn, màn, chiều	Cái	1.0/Lớp	12	9	3	0	3	75	0	9	0		
7	Tủ đựng chăn, màn, chiều	Cái	1.0/Lớp	12	9	3	0	3	75	0	9	0		
8	Phản	Cái	15.0/Lớp	180	180	0	0	0	100	0	180	0		
9	Giá để giày dép	Cái	1.0/Lớp	12	5	7	0	7	41.67	0	5	0		
10	Xô	Cái	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100	0	24	0		
11	Chậu	Cái	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100	0	24	0		
12	Bàn giáo viên	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100	0	12	0		
13	Ghế giáo viên	Cái	2.0/Lớp	24	19	5	0	5	79.17	0	19	0		
14	Bàn cho trẻ	Cái	15.0/Lớp	180	180	0	0	0	100	0	180	0		
15	Ghế cho trẻ	Cái	30.0/Lớp	360	360	0	0	0	100	0	360	0		

16	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
17	Đàn organ	Cái	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
18	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5.0/Lớp	60	58	2	0	2	96.67		0	58	0		
	B. Thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu				2283	3679	0	3681	2846.68			2283.0	0.0		
19	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	6.0/Lớp	72	0	72	0	72	0		0	0	0		
20	Mô hình hàm răng	Cái	3.0/Lớp	36	0	36	0	36	0		0	0	0		
21	Vòng thể dục nhỏ	Cái	30.0/Lớp	360	0	360	0	360	0		0	0	0		
22	Gậy thể dục nhỏ	Cái	30.0/Lớp	360	0	360	0	360	0		0	0	0		
23	Cổng chui	Cái	5.0/Lớp	60	4	56	0	56	6.67		0	4	0		
24	Cột ném bóng	Cái	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100		0	24	0		
25	Vòng thể dục cho giáo viên	Cái	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
26	Gậy thể dục cho giáo viên	Cái	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
27	Bộ chun học toán	Cái	6.0/Lớp	72	13	59	0	59	18.06		0	13	0		

28	Ghế băng thể dục	Cái	2.0/Lớp	24	0	24	0	24	0		0	0	0		
29	Bục bật sâu	Cái	2.0/Lớp	24	0	24	0	24	0		0	0	0		
30	Nguyên liệu để đan tết	Kg	1.0/Lớp	12	1	11	0	11	8.33		0	1	0		
31	Các khối hình học	Bộ	10.0/Lớp	120	120	0	0	0	100		0	120	0		
32	Bộ xâu dây tạo hình	Hộp	10.0/Lớp	120	0	120	0	120	0		0	0	0		
33	Kéo thủ công	Cái	30.0/Lớp	360	360	0	0	0	100		0	360	0		
34	Kéo văn phòng	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
35	Bút chì đen	Cái	30.0/Lớp	360	183	177	0	177	50.83		0	183	0		
36	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	30.0/Lớp	360	360	0	0	0	100		0	360	0		
37	Giấy màu	Túi	30.0/Lớp	360	360	0	0	0	100		0	360	0		
38	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
39	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
40	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
41	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	1.0/Lớp	12	11	0	0	1	91.67		0	11	0		

42	Tháp dinh dưỡng	Cái	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
43	Lô tô dinh dưỡng	Bộ	6.0/Lớp	72	72	0	0	0	100		0	72	0		
44	Bộ luân hạt	Bộ	5.0/Lớp	60	0	60	0	60	0		0	0	0		
45	Bộ lắp ghép	Bộ	2.0/Lớp	24	22	2	0	2	91.67		0	22	0		
46	Búp bê bé trai	Con	3.0/Lớp	36	2	34	0	34	5.56		0	2	0		
47	Búp bê bé gái	Con	3.0/Lớp	36	2	34	0	34	5.56		0	2	0		
48	Bộ đồ chơi gia đình	Bộ	1.0/Lớp	12	1	11	0	11	8.33		0	1	0		
49	Bộ dụng cụ bác sĩ	Bộ	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100		0	24	0		
50	Bộ tranh cảnh báo	Bộ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
51	Bộ ghép hình hoa	Bộ	3.0/Lớp	36	1	35	0	35	2.78		0	1	0		
52	Bộ lắp ráp nút tròn	Bộ	3.0/Lớp	36	22	14	0	14	61.11		0	22	0		
53	Hàng rào nhựa	Bộ	3.0/Lớp	36	17	19	0	19	47.22		0	17	0		
54	Bộ xây dựng	Bộ	3.0/Lớp	36	0	36	0	36	0		0	0	0		
55	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	2.0/Lớp	24	14	9	0	10	58.33		0	14	0		

56	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Bộ	2.0/Lớp	24	6	18	0	18	25	0	6	0		
57	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2.0/Lớp	24	1	23	0	23	4.17	0	1	0		
58	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0	0	0	0		
59	Bộ động vật biển	Bộ	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100	0	24	0		
60	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2.0/Lớp	24	24	0	0	0	100	0	24	0		
61	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2.0/Lớp	24	20	4	0	4	83.33	0	20	0		
62	Bộ côn trùng	Bộ	2.0/Lớp	24	0	24	0	24	0	0	0	0		
63	Tranh về các loài hoa, rau, quả, củ	Bộ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0	0	0	0		
64	Nam châm thẳng	Cái	3.0/Lớp	36	36	0	0	0	100	0	36	0		
65	Kính lúp	Cái	3.0/Lớp	36	3	33	0	33	8.33	0	3	0		
66	Phễu nhựa	Cái	3.0/Lớp	36	7	29	0	29	19.44	0	7	0		

67	Bê chơi với cát và nước	Bộ	1.0/Lớp	12	2	10	0	10	16.67		0	2	0		
68	Cân thăng bằng	Bộ	2.0/Lớp	24	0	24	0	24	0		0	0	0		
69	Bộ làm quen với toán	Bộ	15.0/Lớp	180	3	177	0	177	1.67		0	3	0		
70	Đồng hồ lắp ráp	Bộ	3.0/Lớp	36	0	36	0	36	0		0	0	0		
71	Bàn tính học đếm	Bộ	3.0/Lớp	36	0	36	0	36	0		0	0	0		
72	Bộ hình phẳng	Túi	30.0/Lớp	360	0	360	0	360	0		0	0	0		
73	Ghép nút lớn	Túi	3.0/Lớp	36	18	18	0	18	50		0	18	0		
74	Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình	Bộ	3.0/Lớp	36	6	30	0	30	16.67		0	6	0		
75	Bộ xếp hình các phương tiện giao thông	Bộ	3.0/Lớp	36	0	36	0	36	0		0	0	0		
76	Tranh ảnh một số nghề nghiệp	Bộ	1.0/Lớp	12	5	7	0	7	41.67		0	5	0		
77	Một số hình ảnh lễ hội, danh lam, thắng cảnh	Bộ	1.0/Lớp	12	5	7	0	7	41.67		0	5	0		

78	Bảng quay 2 mặt	Cái	1.0/Lớp	12	3	9	0	9	25		0	3	0		
79	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1.0/Lớp	12	4	8	0	8	33.33		0	4	0		
80	Tranh số lượng	Tờ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
81	Domino học toán	Bộ	5.0/Lớp	60	50	10	0	10	83.33		0	50	0		
82	Bộ chữ số và số lượng	Bộ	15.0/Lớp	180	0	180	0	180	0		0	0	0		
83	Lô tô hình và số lượng	Bộ	15.0/Lớp	180	180	0	0	0	100		0	180	0		
84	Lịch của bé	Bộ	1.0/Lớp	12	3	9	0	9	25		0	3	0		
85	Bộ chữ và số	Bộ	6.0/Lớp	72	5	67	0	67	6.94		0	5	0		
86	Bộ trang phục Công an	Bộ	1.0/Lớp	12	6	6	0	6	50		0	6	0		
87	Bộ trang phục Bộ đội	Bộ	1.0/Lớp	12	2	10	0	10	16.67		0	2	0		
88	Bộ trang phục Bác sỹ	Bộ	1.0/Lớp	12	2	10	0	10	16.67		0	2	0		
89	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
90	Bộ xếp hình xây dựng Lăng Bác	Bộ	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		

91	Gạch xây dựng	Túi	1.0/Lớp	12	3	9	0	9	25		0	3	0		
92	Con rối	Bộ	1.0/Lớp	12	12	0	0	0	100		0	12	0		
93	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái	5.0/Lớp	60	36	24	0	24	60		0	36	0		
94	Đất nặn	Hộp	30.0/Lớp	360	144	216	0	216	40		0	144	0		
95	Màu nước	Bộ	25.0/Lớp	300	0	300	0	300	0		0	0	0		
96	Bút lông cỡ to	Cái	12.0/Lớp	144	0	144	0	144	0		0	0	0		
97	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12.0/Lớp	144	0	144	0	144	0		0	0	0		
98	Dập ghim	Cái	1.0/Lớp	12	0	12	0	12	0		0	0	0		
99	Bìa các màu	Tờ	50.0/Lớp	600							0				
100	Dập lỗ	Cái	1.0/Lớp	12							0				
	C. Sách - Tài liệu - Băng đĩa														
101	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1.0/Lớp	12							0				

102	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1.0/Lớp	12							0				
103	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1.0/Lớp	12							0				
104	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1.0/Lớp	12							0				
105	Băng/đĩa hình về Bác Hồ	Bộ	1.0/Lớp	12							0				
III	DỪNG CHO LỚP MẪU GIÁO 5-6 TUỔI				4010	2240	0	2263	6870.03			4010.0	0.0		
	A. Đồ dùng				1159	2	0	2	1688.89			1159.0	0.0		
1	Giá phơi khăn	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
2	Cốc uống nước	Cái	35.0/Lớp	315	315	0	0	0	100		0	315	0		
3	Tủ (giá) đựng cốc	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
4	Bình ủ nước	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
5	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ	Cái	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		

6	Tủ đựng chăn, màn, chiều	Cái	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
7	Phản	Cái	18.0/Lớp	162	162	0	0	0	100		0	162	0		
8	Già để giày dép	Cái	2.0/Lớp	18	16	2	0	2	88.89		0	16	0		
9	Thùng đựng nước có vòi	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
10	Xô	Cái	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
11	Chậu	Cái	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
12	Bàn cho trẻ	Cái	18.0/Lớp	162	162	0	0	0	100		0	162	0		
13	Ghế cho trẻ	Cái	35.0/Lớp	315	315	0	0	0	100		0	315	0		
14	Bàn giáo viên	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
15	Ghế giáo viên	Cái	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
16	Giá để đồ chơi và học liệu	Cái	5.0/Lớp	45	45	0	0	0	100		0	45	0		
17	Đàn organ	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
	B. Thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu				2851	2238	0	2261	5181.14			2851.0	0.0		

18	Bàn chải đánh răng trẻ em	Cái	6.0/Lớp	54	7	47	0	47	12.96	0	7	0		
19	Mô hình hàm răng	Cái	3.0/Lớp	27	7	20	0	20	25.93	0	7	0		
20	Vòng thể dục to	Cái	2.0/Lớp	18	6	12	0	12	33.33	0	6	0		
21	Vòng thể dục nhỏ	Cái	35.0/Lớp	315	135	180	0	180	42.86	0	135	0		
22	Gậy thể dục nhỏ	Cái	35.0/Lớp	315	120	195	0	195	38.1	0	120	0		
23	Xắc xô	Cái	2.0/Lớp	18	5	13	0	13	27.78	0	5	0		
24	Cổng chui	Cái	5.0/Lớp	45	11	34	0	34	24.44	0	11	0		
25	Gậy thể dục to	Cái	2.0/Lớp	18	6	12	0	12	33.33	0	6	0		
26	Cột ném bóng	Cái	2.0/Lớp	18	9	9	0	9	50	0	9	0		
27	Bóng các loại	Quả	16.0/Lớp	144	100	44	0	44	69.44	0	100	0		
28	Đồ chơi bowling	Bộ	5.0/Lớp	45	29	16	0	16	64.44	0	29	0		
29	Dây thùng	Cái	3.0/Lớp	27	20	7	0	7	74.07	0	20	0		
30	Nguyên liệu để đan tết	Kg	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100	0	9	0		
31	Kéo thủ công	Cái	35.0/Lớp	315	315	0	0	0	100	0	315	0		
32	Kéo văn phòng	Cái	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100	0	9	0		

33	Bút chì đen	Cái	35.0/Lớp	315	315	0	0	0	100		0	315	0		
34	Bút sáp, phấn vẽ, bút chì màu	Hộp	35.0/Lớp	315	315	0	0	0	100		0	315	0		
35	Bộ dinh dưỡng 1	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
36	Bộ dinh dưỡng 2	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
37	Bộ dinh dưỡng 3	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
38	Bộ dinh dưỡng 4	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
39	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
40	Bộ lắp ráp kỹ thuật	Bộ	2.0/Lớp	18	12	6	0	6	66.67		0	12	0		
41	Bộ xếp hình xây dựng (51 chi tiết)	Bộ	2.0/Lớp	18	2	16	0	16	11.11		0	2	0		
42	Bộ luân hạt	Bộ	5.0/Lớp	45	17	28	0	28	37.78		0	17	0		
43	Bộ lắp ghép	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
44	Đồ chơi các phương tiện giao thông	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		

45	Bộ lắp ráp xe lửa	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
46	Bộ sa bàn giao thông	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100		0	9	0		
47	Bộ động vật sống dưới nước	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
48	Bộ động vật sống trong rừng	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
49	Bộ động vật nuôi trong gia đình	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
50	Bộ côn trùng	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
51	Cân chia vạch	Cái	1.0/Lớp	9	8	1	0	1	88.89		0	8	0		
52	Nam châm thẳng	Cái	3.0/Lớp	27	0	27	0	27	0		0	0	0		
53	Kính lúp	Cái	3.0/Lớp	27	12	15	0	15	44.44		0	12	0		
54	Phễu nhựa	Cái	3.0/Lớp	27	12	15	0	15	44.44		0	12	0		
55	Bể chơi với cát và nước	Bộ	1.0/Lớp	9	5	4	0	4	55.56		0	5	0		
56	Ghép nút lớn	Bộ	5.0/Lớp	45	34	11	0	11	75.56		0	34	0		
57	Bộ ghép hình hoa	Bộ	5.0/Lớp	45	20	25	0	25	44.44		0	20	0		
58	Bảng chun học	Bộ	5.0/Lớp	45	20	25	0	25	44.44		0	20	0		

	toán														
59	Đồng hồ học số, học hình	Cái	2.0/Lớp	18	14	4	0	4	77.78		0	14	0		
60	Bàn tính học đếm	Cái	2.0/Lớp	18	0	18	0	18	0		0	0	0		
61	Bộ làm quen với toán	Bộ	15.0/Lớp	135	112	23	0	23	82.96		0	112	0		
62	Bộ hình khối	Bộ	5.0/Lớp	45	4	41	0	41	8.89		0	4	0		
63	Bộ nhận biết hình phẳng	Bộ	35.0/Lớp	315	0	315	0	315	0		0	0	0		
64	Bộ que tính	Bộ	15.0/Lớp	135	29	106	0	106	21.48		0	29	0		
65	Domino chữ cái và số	Hộp	10.0/Lớp	90	90	0	0	0	100		0	90	0		
66	Bộ chữ cái	Bộ	15.0/Lớp	135	89	46	0	46	65.93		0	89	0		
67	Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản	Bộ	5.0/Lớp	45	26	19	0	19	57.78		0	26	0		
68	Lịch của trẻ	Bộ	1.0/Lớp	9	7	2	0	2	77.78		0	7	0		
69	Tranh ảnh về Bác Hồ	Bộ	1.0/Lớp	9	8	1	0	1	88.89		0	8	0		
70	Tranh cảnh báo nguy hiểm	Bộ	1.0/Lớp	9	5	4	0	4	55.56		0	5	0		

71	Tranh ảnh một số nghề phổ biến	Bộ	1.0/Lớp	9	9	0	0	0	100	0	9	0		
72	Bộ tranh truyện mẫu giáo 5-6 tuổi	Bộ	2.0/Lớp	18	3	15	0	15	16.67	0	3	0		
73	Bộ tranh minh họa thơ mẫu giáo 5-6 tuổi	Bộ	2.0/Lớp	18	4	14	0	14	22.22	0	4	0		
74	Bộ tranh mẫu giáo 5-6 tuổi theo chủ đề	Bộ	2.0/Lớp	18	3	15	0	15	16.67	0	3	0		
75	Bộ dụng cụ lao động	Bộ	3.0/Lớp	27	20	7	0	7	74.07	0	20	0		
76	Bộ đồ chơi nhà bếp	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100	0	18	0		
77	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100	0	18	0		
78	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100	0	18	0		
79	Bộ trang phục nấu ăn	Bộ	1.0/Lớp	9	8	1	0	1	88.89	0	8	0		
80	Búp bê bé trai	Con	3.0/Lớp	27	24	3	0	3	88.89	0	24	0		

81	Búp bê bé gái	Con	3.0/Lớp	27	24	3	0	3	88.89		0	24	0		
82	Bộ trang phục công an	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
83	Doanh trại bộ đội	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
84	Bộ trang phục bộ đội	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
85	Bộ trang phục công nhân	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
86	Bộ dụng cụ bác sỹ	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
87	Bộ trang phục bác sỹ	Bộ	2.0/Lớp	18	18	0	0	0	100		0	18	0		
88	Gạch xây dựng	Bộ	2.0/Lớp	18	0	18	0	18	0		0	0	0		
89	Bộ xếp hình xây dựng (44 chi tiết)	Bộ	2.0/Lớp	18	0	0	0	18	0		0	0	0		
90	Hàng rào lắp ghép lớn	Túi	3.0/Lớp	27	27	0	0	0	100		0	27	0		
91	Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp	Cái	12.0/Lớp	108	30	78	0	78	27.78		0	30	0		
92	Đất nặn	Hộp	30.0/Lớp	270	270	0	0	0	100		0	270	0		

93	Màu nước	Hộp	25.0/Lớp	225	0	225	0	225	0		0	0	0		
94	Bút lông cỡ to	Cái	12.0/Lớp	108	0	108	0	108	0		0	0	0		
95	Bút lông cỡ nhỏ	Cái	12.0/Lớp	108	0	108	0	108	0		0	0	0		
96	Dập ghim	Cái	1.0/Lớp	9	7	2	0	2	77.78		0	7	0		
97	Bìa các màu	Tờ	50.0/Lớp	450	145	300	0	305	32.22		0	145	0		
98	Dập lỗ	Cái	1.0/Lớp	9							0				
	C. Sách - Tài liệu - Băng đĩa														
99	Băng/đĩa các bài hát, nhạc không lời, dân ca, hát ru	Bộ	1.0/Lớp	9							0				
100	Băng/đĩa thơ ca, truyện kể	Bộ	1.0/Lớp	9							0				
101	Băng/đĩa hình "Vẽ tranh theo truyện kể"	Bộ	1.0/Lớp	9							0				
102	Băng/đĩa hình "Kể chuyện theo tranh"	Bộ	1.0/Lớp	9							0				
103	Băng/đĩa hình vẽ	Bộ	1.0/Lớp	9							0				

	Bác Hồ														
104	Bảng/đĩa hình các hoạt động giáo dục theo chủ đề	Bộ	1.0/Lớp	9							0				

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lò Thị Hằng